

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **34/2018/QĐST-DS**

Bình Sơn, ngày 20 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **38/2018/TLST – DS** ngày **10** tháng **01** năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tiêu Thị H1, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn:

1/ Ông Tiêu Văn H2, sinh năm 1972;

2/ Anh Tiêu Văn C, sinh năm 1976;

3/ Anh Tiêu V, sinh năm 1985;

Cùng nơi cư trú: Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Tiêu Thị L, sinh năm 1981; Ủy quyền cho chị Tiêu Thị H1 theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/3/2018.

2/ Chị Tiêu Thị T, sinh năm 1978;

3/ Chị Lê Thị Quỳnh L, sinh năm 1984 (vợ Tiêu Văn H2); Ủy quyền cho chị Tiêu Thị H1 theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/3/2018.

4/ Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (vợ anh Tiêu Văn C); Ủy quyền cho anh Tiêu Văn C theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/3/2018.

5/ Chị Phạm Thị Thu P, sinh năm 1994 (vợ anh Tiêu V); Ủy quyền cho anh Tiêu V theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/3/2018.

Cùng nơi cư trú: xóm 1, Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

6/ Chị Tiêu Thị Đ, sinh năm 1983; Ủy quyền cho chị Tiêu Thị H1 theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 01/3/2018.

Nơi cư trú: Khu TĐC C, thôn Đ, xã T, TP. QN, tỉnh Quảng Ngãi.

7/ Ông Nguyễn S, sinh năm 1942; Ủy quyền cho chị Tiêu Thị H1 theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 02/02/2018.

Nơi cư trú: thôn T, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

8/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 28/02/2018.

Nơi cư trú: Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

9/ Ông Nguyễn Phú C2, sinh năm 1935; có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 23/3/2018.

Nơi cư trú: Thôn Tân Hy, xã Bình Đ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 327, khóm 2, khu 1, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chị H1, anh H2, anh C, anh V và chị T đều có mặt tại phiên hòa giải.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về người để lại di sản thừa kế: Cha là: Ông Tiêu Lý N2, sinh năm 1947, chết ngày 15/02/2003 theo Giấy chứng tử số: 126/2014, quyền số 01/2014 do UBND xã Bình Hải cấp ngày 13/10/2014 và mẹ là: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950, chết ngày 10/8/1995 theo Giấy chứng tử số: 127/2014, quyền số 01/2014 do UBND xã Bình Hải cấp ngày 13/10/2014.

2.2. Về xác định di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế: Chị H1, anh H2, anh C, anh V, chị T, chị Đ, chị L, ông S, bà N, chị L (do chị H1 đại diện), chị P (do anh V đại diện), chị S (do anh C) và ông C2 đều xác định như sau: Di sản do ông Tiêu Lý N2 và bà Nguyễn Thị V để lại như sau: Thừa đất số 465, tờ bản đồ số 01, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 410m², loại đất ONT, trong đó; 200 m² đất ở (ONT) và 210m² đất trồng cây hàng năm khác (theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2015, thuộc thửa đất số 347 và 309, tờ bản đồ số 76) tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; đã được UBND huyện Bình Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Tiêu Lý N2 đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số: N 086586, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02003/QSDĐ/507/QĐ-UB (H), ngày 12/6/2000; diện tích đất đo thực tế là 531,5m².

Di sản là nhà ở trên thửa đất do ông N2, bà V để lại là: Một ngôi nhà cấp IV.A diện tích xây dựng đo thực tế là 55,651m²; đặc điểm: móng xây bằng đá, tường xây gạch có tô trát xi măng, lán sơn, mái lợp proximăng, nền gạch ceramic, xà gỗ gỗ, cửa pa nô gỗ (không khuôn ngoại), trong đó: vợ chồng anh Tiêu Văn H2 có sửa chữa gồm: lát nền gạch ceramic, thay xà gỗ gỗ, lợp tôn và các bên không tranh chấp phần sửa chữa này. Ngôi nhà này do vợ chồng ông Tiêu Văn H2, bà Lê Thị Quỳnh L đang quản lý, sử dụng. Các bên thống nhất giá trị di sản là: Thửa đất trị giá 200.000.000 đồng và ngôi nhà trị giá 20.000.000 đồng; Tổng giá trị nhà và đất (di sản thừa kế) là: 220.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu đồng*). Ông N2, bà Vân chết không để lại di chúc liên quan đến nhà ở và thửa đất nêu trên. Chị H1, anh H2, anh C, anh V, chị L, chị Đ, chị T đều yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông N2, bà Vân để lại như trên cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, trên đất vợ chồng anh H2, L xây dựng thêm nhà ở, nhà vệ sinh, mái hiên; vợ chồng anh C, S xây dựng nhà ở, mái hiên, vật kiến trúc và vợ chồng anh V, P xây dựng nhà ở, mái hiên, tường rào (cụ thể được nêu dưới đây). Chị H1, anh H2, anh C, anh V, chị T, chị Đ, chị L, ông S, bà N, chị L (do chị H1 đại diện), chị P (do anh V đại diện), chị S (do anh C) đều thống nhất không tranh chấp và yêu cầu Tòa án ghi nhận quyền sở hữu đối với những tài sản này.

Các bên đương sự không yêu cầu chia đôi với cây cối (01 cây dừa đã cho quả, 01 cây nhãn tự mọc chưa cho quả), giếng nước do ông N2, bà Vân để lại, sau khi phân chia di sản thừa kế cây cối nằm trên phần đất người nào được chia đất thì người đó được quyền sở hữu đối với cây cối, giếng nước.

Mộ đất gồm có 06 một đất nằm trên đất, mỗi ngôi một diện tích là 1,7m², tổng cộng diện tích 06 ngôi mộ là 10,02m², các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về xác định người thừa kế theo pháp luật của ông Tiêu Lý N2 và bà Nguyễn Thị Vân gồm có:

2.3.1. Con ruột của ông Tiêu Lý N2 và bà Nguyễn Thị Vân có 07 người con gồm: Anh Tiêu Văn H2, sinh năm 1972; anh Tiêu Văn C, sinh năm 1976; anh Tiêu V, sinh năm 1985; chị Tiêu Thị H1, sinh năm 1976; chị Tiêu Thị T, sinh năm 1978; chị Tiêu Thị L, sinh năm 1981; Đều cư trú: Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi và chị Tiêu Thị Đ, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu TĐC C, thôn Đ, xã T, TP. QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2.3.2. Cha ruột của bà Nguyễn Thị V là: cụ ông Nguyễn B, chết năm 1973 (chết trước năm 1975) và mẹ là cụ bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1907, chết ngày 12/12/2010. Cụ Nguyễn B và cụ Huỳnh Thị P có 04 người con gồm:

- Ông Nguyễn S, sinh năm 1942; cư trú tại: thôn T, xã BD, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942, cư trú tại Thôn P 1, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Phú C2, sinh năm 1935; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 327, khóm 2, khu 1, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Thôn T, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị V (người để lại di sản).

2.3.3. Cha, mẹ ruột của bà cụ Huỳnh Thị P là: Cố ông Huỳnh T3, sinh năm 1880, chết năm 1910 và cố bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1882, chết năm 1915; quê quán: Thôn T, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều cam kết những người thừa kế như trên là hoàn toàn đúng và đầy đủ thông tin. Ngoài ra, ông Tiêu Lý N2 và bà Nguyễn Thị V không còn người thừa kế nào khác, kể cả con nuôi hay cha mẹ nuôi.

2.3.4. Những người thừa kế còn sống được hưởng thừa kế di sản của ông Tiêu Lý N2 và bà Nguyễn Thị V gồm có: Anh Tiêu Văn H2, anh Tiêu Văn C, anh Tiêu V, chị Tiêu Thị H1, chị Tiêu Thị T, chị Tiêu Thị L và chị Tiêu Thị Đ, ông Nguyễn S, ông Nguyễn Phú C2 và bà Nguyễn Thị N; trong đó: ông S, ông C2 và bà N được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ bà Huỳnh Thị P (mẹ ruột bà V) do chết sau bà V.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tiêu Thị L và chị Tiêu Thị Đ, chị Tiêu Thị H1 tặng, cho anh Tiêu Văn H2, anh Tiêu Văn C, anh Tiêu V đối với kỷ phần thừa kế mà chị L, chị Đ, chị H1 được hưởng di sản thừa kế do ông N2, bà V để lại. Anh H2, anh C, anh V đồng ý nhận việc tặng, cho di sản này.

2.5. Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn S từ chối nhận di sản, không yêu cầu chia thừa kế; ông Nguyễn Phú C2 tự nguyện tặng cho chung phần thừa kế ông được hưởng cho các con của ông N2, bà V đối với di sản thừa kế mà ông N2, bà V để lại như ở trên.

2.6. Anh Tiêu Văn H2, anh Tiêu Văn C, anh Tiêu V, chị Tiêu Thị H1, chị Tiêu Thị T, chị Tiêu Thị L và chị Tiêu Thị Đ, ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị N (chị L, chị Đ, bà N, ông S do chị H1 đại diện theo ủy quyền) tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do ông N2, bà V để lại ở phần trên như sau:

2.6.1. Chia cho anh Tiêu Văn C được hưởng di sản thừa kế của ông N2, bà V để lại như sau: Diện tích đất là $94,80m^2$ (trong đó: có $37,657m^2$ là đất trồng cây hàng năm khác và $57,143m^2$ là đất ở nông thôn) tọa lạc tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 01 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), theo bản đồ đo năm 2015 thuộc thửa đất số 347 và thửa số 309, tờ bản đồ 76; địa chỉ thửa đất: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; trị giá phần diện tích đất được hưởng là 35.672.576 đồng.

Ghi nhận tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Tiêu Văn C, chị Nguyễn Thị S xây dựng trên phần diện tích đất anh C được chia thừa kế ở trên gồm: Một ngôi nhà cấp IV.A, diện tích xây dựng $60,38m^2$. Đặc điểm xây dựng: móng xây đá, tường xây gạch có tô trát xi măng, lán sơn, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole xô xi măng, xà gồ gỗ, trần đóng la phòng phòng khách, phòng ngủ và mái hè, cửa panô gỗ, có sê nô. Một mái hiên diện tích $28m^2$; Đặc

điểm: trụ bê tông ống nhựa, mái lợp tolo proximăng, xà gồ gỗ, nền láng xi măng.

2.6.2. Chia cho anh Tiêu Văn H2 được hưởng di sản thừa kế của ông N2, bà V để lại như sau: Diện tích đất là 191,70m² (trong đó: có 134,557m² là đất trồng cây hàng năm khác và 57,143m² là đất ở nông thôn) tọa lạc tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 01 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), theo bản đồ đo năm 2015 thuộc thửa đất số 309 và 347, bản đồ số 76; địa chỉ thửa đất: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; trị giá phần diện tích đất được hưởng là 72.135.368 đồng.

Chia cho anh Tiêu Văn H2 được quyền sở hữu một ngôi nhà cấp IV.A do ông Tiêu Lý N2, bà Nguyễn Thị V để lại như sau: Diện tích xây dựng 55,651m²; đặc điểm: móng xây bằng đá, tường xây gạch có tô trát xi măng, lán sơn, mái lợp proximăng, nền gạch ceramic, xà gồ gỗ, cửa pa nô gỗ (không khuôn ngoại), trong đó bao gồm cả phần tài sản do vợ chồng anh Tiêu Văn H2, chị Lê Thị Quỳnh L xây dựng sửa chữa thêm tại ngôi nhà do ông N2, bà Vân để lại gồm: Mái lợp proximăng, nền gạch ceramic, xà gồ gỗ; trị giá ngôi nhà là: 20.000.000 đồng.

Đối với phần tài sản xây dựng sửa chữa thêm của vợ chồng anh H2, chị L tại ngôi nhà do ông N2, bà Vân để lại như trên, chị H1, anh H2, chị L, anh C, anh V, chị T, chị L, chị Đ không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ghi nhận tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Tiêu Văn H2, chị Lê Thị Quỳnh L tọa lạc trên diện tích đất anh H2 được chia như ở trên gồm: Nhà bếp và nhà vệ sinh: Móng xây bằng đá, tường xây gạch có tô trát xi măng, lán sơn, mái lợp proximăng, nền gạch ceramic, xà gồ gỗ, cửa pa nô gỗ (không khuôn ngoại), diện tích xây dựng: 19,9m²; Một mái hiên diện tích xây dựng 17m²; đặc điểm: Trụ bê tông bọc ống nhựa, mái tole proximăng, xà gồ gỗ, nền láng xi măng.

2.6.3. Chia cho anh Tiêu V được hưởng di sản thừa kế của ông N2, bà V để lại như sau: Diện tích đất là 169,0m² (trong đó: có 111,857m² là đất trồng cây hàng năm khác và 57,143m² là đất ở nông thôn) tọa lạc tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 01 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), theo bản đồ năm 2015 thuộc thửa đất số 309 và 347, tờ bản đồ 76; địa chỉ thửa đất: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Trị giá phần diện tích đất được hưởng là 63.593.517 đồng.

Chia cho anh Tiêu V được quyền sở hữu một giếng nước, loại giếng bê tông, chiều sâu 4,2m, rộng 0,9m (giếng nước do ông N2, bà V để lại).

Ghi nhận tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Tiêu V, chị Phạm Thị Thu P tọa lạc trên diện tích đất anh V được chia ở trên gồm: Nhà ở cấp IV.A, diện tích xây dựng 64,85m², đặc điểm xây dựng: móng xây đá, tường xây gạch có tô trát xi măng, lán sơn, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole xô xi măng, xà gồ gỗ, cửa panô gỗ, có sê nô; Một mái hiên trước nhà do vợ chồng ông V xây dựng, diện tích 14,9m², đặc điểm: trụ bê tông, mái lợp tole proximăng, xà gồ gỗ, nền láng xi măng và tường rào ở cạnh phía Đ thửa đất, đặc điểm: trụ bê tông, lưới B40, dài 16,49m, cao 1,6m (nhà ở, mái hiên, tường rào do vợ chồng ông V, chị P xây dựng).

2.6.4. Chia cho chị Tiêu Thị T được hưởng di sản thừa kế của ông N2, bà V

để lại như sau: Diện tích đất là 76m² (trong đó: có 47,429m² là đất trồng cây hàng năm khác và 28,571m² là đất ở nông thôn) tọa lạc tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 01 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), theo bản đồ năm 2015 thuộc thửa đất số 309 và 347, tờ bản đồ 76; địa chỉ thửa đất: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Trị giá phần diện tích đất được hưởng là 28.598.268 đồng. Diện tích đất chị T được chia không tính diện tích 06 ngôi mộ tọa lạc trên đất, mỗi ngôi mộ 1,7m²; tổng cộng 06 ngôi mộ là 10,20m².

2.7. Buộc vợ chồng anh Tiêu V, chị Phạm Thị Thu P có nghĩa vụ tháo dỡ phần một tường rào trên phần đất chia cho chị T ở phần trên như sau: Tường rào ở cạnh phía Đông thửa đất: trụ bê tông, lưới B40, chiều dài 0,81m, cao 1,6m.

2.8. Chị H1, anh H2, anh C, anh V, chị T, chị Đ, chị L, ông S, bà N, chị L (do chị H1 đại diện), chị P (do anh V đại diện), chị S (do anh C đại diện) đều thống nhất như sau: Không yêu cầu chia đối với cây cối (01 cây dừa đã cho quả, 01 cây nhãn tự mọc chưa cho quả) do ông N2, bà Vân để lại, sau khi phân chia di sản thừa kế các tài sản này nằm trên phần đất người nào được chia thì người đó được quyền sở hữu đối với cây cối.

2.9. Anh C, chị T, anh V không yêu cầu anh H2 phải hoàn lại giá trị ngôi nhà do ông N2, bà Vân để lại mà các anh, chị được hưởng và chia cho anh H2 như ở phần trên.

2.10. Vợ chồng anh Tiêu Văn C, chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ tháo dỡ phần tài sản của anh, chị trên phần diện tích đất phân chia cho anh Tiêu Văn H2, cụ thể tài sản phải tháo dỡ gồm: Trụ bê tông, xà gỗ gỗ, lợp tole lạnh, diện tích 7,75m² (kích thước 3,1m x 2,5m); 02 trụ bê tông và 01 bồn nước (loại bồn nhựa).

2.11. Phần diện tích đất các anh H2, C, V và chị T được phân chia thừa kế và tài sản trên đất như ở phần trên có bảng vẽ hiện trạng phân chia kèm theo và có ký xác nhận của anh H2, C, V, chị T và chị H1.

2.12. Anh H2, anh C, anh V và chị T được quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai phần diện tích đất, tài sản trên đất được chia như trên tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với phần diện tích xây dựng vượt quá diện tích đất ở được chia thì anh H2, anh C và anh V phải thực hiện nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

Anh H2, anh C, anh V và chị T không yêu cầu công nhận hạn mức đất ở theo quy định nên không đặt ra xem xét. Anh H2, anh C, anh V, chị T được quyền đăng ký nâng hạn mức đất ở theo quy định của pháp luật.

2.13. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 8.000.000 đồng.

2.13.1. Anh Tiêu Văn H2 tự nguyện chịu 6.858.000 đồng, chị Tiêu Thị T tự nguyện chịu 1.142.000 đồng nhưng được khấu trừ xong số tiền anh H2 đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng.

2.13.2. Chị Tiêu Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Tiêu Văn H2 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.142.000 đồng (*Một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

2.14. Về nghĩa vụ chịu án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

2.14.1. Hoàn trả lại cho chị Tiêu Thị H1 số tiền 357.150 đồng (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng*) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003315 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.14.2. Anh Tiêu Văn H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần diện tích đất được chia với số tiền là: 2.303.250 đồng nhưng được khấu trừ số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí là 595.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003333 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn lại anh H2 phải tiếp tục nộp số tiền là 1.708.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn đồng*).

2.14.3. Anh Tiêu Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần diện tích đất được chia với số tiền là: 891.250 đồng nhưng được khấu trừ số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí là 595.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003332 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn lại anh C phải tiếp tục nộp số tiền là 296.000 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

2.14.4. Anh Tiêu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần diện tích đất được chia với số tiền là: 1.589.250 đồng nhưng được khấu trừ số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí là 595.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003334 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn lại anh phải tiếp tục nộp số tiền là 994.000 đồng (*Chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

2.14.5. Chị Tiêu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần diện tích đất được chia với số tiền là: 714.714 đồng nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí là 785.714 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002252 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn phải hoàn trả lại cho chị T số tiền là 71.000 đồng (*Bảy mươi một nghìn đồng*).

3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quang Toại